

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2017/HNGĐ - ST

Ngày 19 – 12 – 2017

V/v tranh chấp ly hôn
và chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hà và ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn và chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí B, sinh năm 1975.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2017, lời trình bày của anh Nguyễn Chí B trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống vào ngày 29 tháng 11 năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi và chị L đã bỏ nhà đi khoảng hơn 01 tháng nay. Từ nguyên nhân trên, anh xác định không còn tình cảm, không thể quay lại hàn gắn nên yêu cầu được xin ly hôn với chị L.

Về con: Anh và chị L có 02 người con chung gồm Nguyễn Văn B, sinh năm 1998 và Nguyễn Kim Lu, sinh ngày 24/11/2003. Khi ly hôn, giữa anh và chị L tự

thỏa thuận việc nuôi con, các cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh thống nhất theo yêu cầu của chị L, trước đây anh và chị L được cho số nữ trang là 06 chỉ vàng 24k nhưng khi về chung sống, đã bán để xây nhà của cha, mẹ anh nên không còn. Qua yêu cầu của chị L thì anh đồng ý giao cho chị L hưởng 03 chỉ vàng 24k.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

** Tại đơn yêu cầu phản tố, lời trình bày của chị Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Về hôn nhân: Qua trình bày của anh B về quan hệ hôn nhân không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B đi uống rượu về đánh chị nên chị bỏ đi hơn một tháng nay. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B.

Về con: Có 02 con chung như anh B trình bày. Khi ly hôn, giữa chị và anh B đã thỏa thuận xong việc nuôi con, các cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Trước đây chị và anh B được cho số nữ trang là 06 chỉ vàng 24k, khi về chung sống, anh B đã bán để xây nhà ở chung với cha, mẹ anh B. Khi ly hôn chị yêu cầu anh B giao lại cho chị hưởng 03 chỉ vàng 24k.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L thay đổi yêu cầu phản tố, chị yêu cầu anh B trả thêm đối với công sức đóng góp của chị trong 19 năm bằng 200.000.000 đồng.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Chí B và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi anh, chị về chung sống thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi và chị L đã bỏ nhà đi khoảng hơn 01 tháng. Từ nguyên nhân trên, anh B và chị L xác định không còn tình cảm, không thể quay lại hàn gắn nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét việc đồng ý ly hôn với nhau của các đương sự thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình

không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con: Anh B và chị L có 02 người con gồm Nguyễn Văn B, sinh năm 1998 và Nguyễn Kim Lu, sinh ngày 24/11/2003. Khi ly hôn, các đương sự đã tự thỏa thuận việc nuôi con, các cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con;...” nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản: Anh B và chị L thống nhất số nữ trang được cho là 06 chỉ vàng 24k nhưng đã bán xây nhà của cha, mẹ anh B để anh, chị cùng chung sống. Mặc dù số vàng trên không còn nhưng anh B tự nguyện giao lại cho chị L hưởng 03 chỉ vàng 24k, ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu nào khác.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù số vàng trên các đương sự đã bán xây nhà của cha, mẹ anh B để anh, chị cùng chung sống nên không còn nhưng anh B tự nguyện giao lại 03 chỉ vàng 24k theo yêu cầu của chị L. Đây là sự thỏa thuận về phân chia tài sản giữa các đương sự trước khi mở phiên tòa, hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận; anh B có nghĩa vụ giao lại cho chị L hưởng 03 chỉ vàng 24k là hoàn toàn phù hợp.

Ngoài việc yêu cầu phân chia số vàng, các đương sự không yêu cầu gì về giá trị ngôi nhà của cha, mẹ anh B mà trong đó các đương sự đã bán vàng cùng xây dựng nên không cần thiết đưa cha, mẹ anh B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án.

Đối với việc thay đổi yêu cầu phản tố của chị L, chị yêu cầu anh B trả thêm đối với công sức đóng góp của chị trong 19 năm bằng 200.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, vào ngày 07/12/2017 Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp và phiên hòa giải chị L chỉ yêu cầu anh B giao lại 03 chỉ vàng 24k trong số nữ trang là 06 chỉ mà anh, chị đã bán xây nhà của cha, mẹ anh B để cùng sinh sống. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu nào khác.

Xét thấy, việc chị L yêu cầu anh B phân chia công sức đóng góp 200.000.000 đồng thực hiện sau phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc thay đổi yêu cầu của chị L đã vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc thay đổi này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì anh B phải chịu án phí trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và chị L phải chịu án phí chia tài sản đối với tài sản được hưởng là: $03 \text{ chỉ vàng } 24k \times 3.500.000 \text{ đồng/chỉ} \times 5\% \times 50\% = 262.500 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 59 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Chí B và chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Các đương sự tự thỏa thuận việc nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của anh B và chị L. Buộc anh B có nghĩa vụ giao cho chị L hưởng 03 (ba) chỉ vàng 24k.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh B phải chịu án phí trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0009308 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

+ Chị L phải chịu án phí đối với tài sản được chia là 262.500 đồng. Chị Liên đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0009415 ngày 07/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ và được nhận lại 37.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn